TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 181/2025/HS-PT
Ngày 04 tháng 9 năm 2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Huỳnh Thanh Duyên

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Văn Tửu

bà Lê Thị Tuyết Trinh

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Phạm Ba D - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 112/2025/TLPT-HS ngày 30 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Minh T. Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 51/2025/HS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 321/2025/QĐXXPT-HS ngày 25 tháng 8 năm 2025.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Minh T; sinh ngày 26 tháng 02 năm 1990, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: khu phố L, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (nay là khu phố L, phường T, tỉnh Tây Ninh); nghề nghiệp: tài xế; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1956 và bà Nguyễn Thúy H, sinh năm: 1966; vợ là Phạm Thị Ngọc L (là bị cáo trong vụ án); con chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 24- 4-2024 cho đến nay (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh T: Luật sư Nguyễn Thanh Bảo D1 – Công ty L1 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo Phạm Thị Ngọc L, bị hại nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Minh T và Phạm Thị Ngọc L là bạn với bà Nguyễn Thị Thu H1. Từ năm 2019, T và L có vay mượn tiền của bà H1 nhiều lần để làm ăn, lãi suất 4%-6%/tháng. Thời gian đầu, T và L trả tiền lãi, tiền gốc đầy đủ cho bà H1, đến năm 2021, công việc làm ăn bị thua lỗ, nên còn nợ lại tiền gốc. Từ ngày 14/7/2021 đến ngày 13/2/2022, T và L tiếp tục hỏi vay thêm 850.000.000 đồng của bà H1 để kinh doanh và giải quyết việc gia đình. T và L sử dụng đầu tư kinh doanh và tiếp tục thua lỗ, không có khả năng trả nợ cho bà H1.

Đến tháng 03/2022, để có tiền trả nợ gốc, lãi cho bà H1 và có tiền tiêu xài cá nhân, T kêu L nói dối với bà H1 cần vay tiền để cho vay lại, lấy lãi cao hơn hoặc để người thân của T và L mua đất, làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất lên thổ cư, bà H1 tin tưởng, đồng ý cho T và L vay tiền. Với thủ đoạn nêu trên, từ ngày 02/3/2022 đến ngày 22/10/2022, bà H1 cho T và L vay tiền 12 lần, tổng cộng: 6.720.000.000 đồng. T và L chiếm đoạt sử dụng mục đích cá nhân. Cụ thể:

Lần thứ 1: Ngày 02/3/2022, T kêu L nói dối với bà H1 cần vay 300.000.000 đồng để cho bà Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh năm 1981, ngụ ấp B, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai (là cô ruột của T) vay lại để lấy lãi cao hơn. Bà H1 tin tưởng, đồng ý cho L vay tiền, đã chuyển tiền vào tài khoản số 107006519542 của Phạm Thị Ngọc L tại ngân hàng V 200.000.000 đồng và đưa tiền mặt cho L: 100.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền đoạt sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ 2: Ngày 19/3/2022, T kêu L nói dối với bà H1, cản vay 200.000.000 đồng để cho bà Y vay lại. H1 tin tưởng, đồng ý cho vay và đưa tiền mặt cho L. Sau đó, T và L chiếm đoạt sử dụng cá nhân hết.

Lần thứ 3: Ngày 06/4/2022, T kêu L nói dối với bà H1 cần vay 500.000.000 đồng để đưa cho bà Y, hùn tiền mua đất. H1 tin tưởng, đưa tiền mặt cho L 350.000.000 đồng và chuyển 150.000.000 đồng vào tài khoản số 5701168000168 của L tại ngân hàng A. T và L chiếm đoạt, sử dụng trả lãi cho bà H1 8.240.000 đồng, số tiền còn lại tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ 4: Ngày 21/5/2022, T kêu L nói dối với bà H1 cần vay 520.000.000 đồng để kinh doanh. H1 tin tưởng đồng ý cho vay và đưa tiền mặt cho L. Sau khi nhận tiền, T và L không sử dụng trong hoạt động kinh doanh mà chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ 5: Ngày 03/6/2022, T kêu L tiếp tục nói dối với bà H1 cần vay 400.000.000 đồng, để cho bà Y vay lại. Bà H1 tin tưởng, đưa tiền mặt cho L. Sau đó, T và L chiếm đoạt sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ 6: Ngày 08/6/2022, T kêu L nói dối với bà H1 cần vay 700.000.000 đồng để chuyển mục đích sử dụng đất đối với phần đất đã hùn với bà Y mua. Bà H1 tin là thật, đã chuyển khoản vào tài khoản số 107006519542 của L tại ngân hàng V số tiền 600.000.000 và số tài khoản 5701168000168 của L tại ngân hàng A số tiền 100.000.000 đồng. Nhận được tiền, L chuyển khoản trả nợ trước đó cho bà H1: 408.400.000 đồng, còn lại sử dụng cá nhân hết.

Lần thứ 7: Ngày 16/6/2022, T kêu L nói dối với bà H1 cần vay 1.000.000.000 đồng để cho bà Y vay lại, bà H1 tin tưởng, đồng ý cho L vay, đưa tiền mặt cho L. Sau đó T và L chiếm đoạt sử dụng cá nhân hết.

Lần thứ 8: Ngày 20/6/2022, T kêu L nói dối với bà H1 cần vay 500.000.000 đồng, cho bà Y vay lại để bà H1 tin tưởng, đồng ý cho vay. Bà H1 chuyển vào tài khoản của L tại ngân hàng V 350.000.000 đồng và đưa tiền mặt cho L 150.000.000 đồng. T và L chiếm đoạt, sử dụng mục đích cá nhân, trong đó chuyển khoản trả lãi cho bà H1 6.000.000 đồng.

Lần thứ 9: Ngày 27/6/2022, T kêu L nói dối với bà H1, cần vay giùm ông Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1977, ngụ: khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (là anh họ của L), số tiền 300.000.000 đồng, để mua xe ô tô. Bà H1 tin là thật, đồng ý cho vay nên đưa tiền mặt cho L. Nhận được tiền, T và L chiếm đoạt sử dụng mục đích cá nhân hết.

Lần thứ 10: Ngày 09/7/2022, T kêu L nói dối với bà H1 cần hỏi vay giùm bà Nguyễn Thúy N, sinh năm 1968, ngụ khu phố B, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (là cô ruột của T), số tiền 300.000.000 đồng. Bà H1 đồng ý, chuyển khoản vào số tài khoản 05007149194 tại ngân hàng S, do T đứng tên. Sau khi nhận tiền, T và L chiếm đoạt, sử dụng cá nhân hết, trong đó chuyển khoản trả lãi cho bà H1 53.500.000 đồng.

Lần thứ 11: Ngày 17/9/2022, T kêu L nói với bà H1 cần vay số tiền 1.000.000.0000 đồng để chuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp tại ngân hàng. Bà H1 tin nên đồng ý, giao tiền mặt cho L. T và L chiếm đoạt, sử dụng mục đích cá nhân.

Lần thứ 12: Ngày 22/10/2022, T tiếp tục kêu L nói với bà H1 cần vay. 1.000.000.000 đồng để hùn tiền mua đất với bà Y. Bà H1 đồng ý, đưa tiền mặt cho L. T và L chiếm đoạt sử dụng mục đích cá nhân.

Quá trình điều tra, Nguyễn Minh T và Phạm Thị Ngọc L đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

* Về thu giữ vật chứng: không có.

* Về bồi thường thiệt hại:

Bà Nguyễn Thị Thu H1 yêu cầu bồi thường số tiền 8.370.000.000 đồng. Nguyễn Minh T và Phạm Thị Ngọc L chưa bồi thường.

* Về kê biên tài sản: Bị can không có tài sản nên không tiến hành kê biên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2025/HS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2025 Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 17 (mười bảy) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 4 năm 2024.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Phạm Thị Ngọc L, biện pháp tư pháp, trách nhiệm dân sự, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 10/7/2025, bị cáo Nguyễn Minh T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Xét đơn kháng cáo của bị cáo về hình thức đúng quy định pháp luật, về thời gian đúng thời gian quy định nên đơn kháng cáo hợp lệ.

Về nội dung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Nguyễn Minh T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình do đó Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo T 17 năm tù là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Bị cáo T kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Nguyễn Thanh Bảo D1 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh T trình bày: Giữa bị cáo Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thị Thu H1 là có làm ăn, có vay mượn trong một quá trình rất dài từ năm 2019 đến năm 2021, đã có rất nhiều lần vay mượn và trả nợ lãi, trả tiền gốc. Đến năm 2022 do làm ăn thua lỗ và nợ tiến với bà H1 nên bị cáo mới phát sinh ra những lần vay không kịp trả. Luật sư cho rằng có yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngoài ra, bà H1 là bị hại trong vụ án cũng có một phần lỗi vì lãi suất đưa ra đã không tự bảo vệ đến mình để phát sinh lòng tham từ bị cáo T. Bên cạnh đó trong 12 lần vay thì bị cáo T đều kêu L đi nói với bà H1. Bị cáo là lao động chính trong gia đình, cả hai vợ chồng đều bị ở tù, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có cha mẹ già. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Minh T.

Bị cáo Nguyễn Minh T trình bày: Thống nhất với lời trình bày của Luật sư, không trình bày bổ sung gì thêm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của Luật sư và của bị cáo.

[1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh T: Đơn kháng cáo của bị cáo được làm trong thời hạn luật định. Do đó, đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Minh T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, căn cứ vào các lời khai của bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác đã có đủ cơ sở xác định:

Từ ngày 02/3/2022 đến ngày 22/10/2022, Nguyễn Minh T và Phạm Thị Ngọc L đã bàn bạc với nhau nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của chị Nguyễn Thị Thu H1, tổng cộng: 6.720.000.000 đồng. Do đó, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Minh T và Phạm Thị Ngọc L phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự như cấp sơ thẩm đã truy tố xét xử là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; bị cáo lợi dụng sự tin tưởng của bị hại để chiếm đoạt tài sản gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, gây mất trật tự trị an tại địa phương, do đó cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm có xem xét cho bị cáo tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo như:

Tình tiết tăng nặng: bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần đây là tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đối chiếu tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả do bị cáo gây ra như trên nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng mức hình phạt 17 năm tù đối với bị cáo là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo kháng cáo nhưng không có thêm tình tiết giảm nhẹ gì mới. Do đó, không có cơ sở xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[5] Quan điểm đề nghị của Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[6] Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo có lời bào chữa giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là không có cơ sở chấp nhận.

[7] Các nội dung khác của quyết định bản án không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật để thi hành.

[8] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh T không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2025/HS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Tuyên xử:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 17 (mười bảy) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 4 năm 2024.

2. Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Minh T để đảm bảo thi hành án.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Minh T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VCT&KSXXPT tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Tây Ninh; (2)
- VKSND tỉnh Tây Ninh; (1)
- Công an tỉnh Tây Ninh; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh; (1)
- THADS tỉnh Tây Ninh; (1)
- Trại tạm giam số 1 - Công an tỉnh Tây Ninh; (2)
(Tống đạt cho bị cáo);
- Lưu VT (5), HS (2) (Án Tâm -KT).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Duyên